

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-11-2022

“Về việc tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Tự

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Công Nguyên.

2. Bà Đào Thị Ngâm.

*** *Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thùy Trân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 406/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thu T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: đường N, phường N, TP. T, tỉnh Phú Yên

Chỗ ở: Tổ 2 Khu phố Liên Trì 1, phường C, TP. Tuy Hòa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Duy D, sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã H, huyện P.

Chỗ ở: Tổ 2 Khu phố Liên Trì 1, phường C, TP. Tuy Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T với anh D tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn và có đăng ký kết hôn, được UBND xã H, huyện P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2011 ngày 04/01/2011. Sau khi kết hôn và sống chung hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không quan tâm nhau. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, khả năng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình không được nữa nên xin ly hôn để ổn định cuộc sống của mỗi bên.

- Về con chung: có 02 con chung là Trần Duy B, sinh ngày 15/05/2013; Trần Ngân T, sinh ngày 23/8//2015. Các cháu B và T đang ở với chị T. Ly hôn chị T nhận nuôi 02 con chung, yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/02 cháu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

* Bị đơn anh Trần Duy D trình bày:

- Về hôn nhân: anh D với chị T tìm hiểu quen nhau và kết hôn như chị T trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, lời qua tiếng lại. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh D đồng ý.

- Về con chung: có 02 con chung là Trần Duy B, sinh ngày 15/05/2013; Trần Ngân T, sinh ngày 23/8//2015. Các cháu B và T đang ở với chị T. Ly hôn anh D nhận nuôi cháu B, còn cháu T giao cho chị T nuôi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án nhân dân TP Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hai bên có tranh chấp về ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại: phường 5, TP. Tuy Hòa, Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T với anh D tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn, được UBND xã H, huyện P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2011 ngày 04/01/2011. Sau khi kết hôn và sống chung hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không quan tâm nhau. Nay chị T, anh D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, khả năng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình không được nữa nên hai bên thống nhất

yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn để ổn định cuộc sống của mỗi bên nên ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên là chị T được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: có 02 con chung là Trần Duy B, sinh ngày 15/05/2013; Trần Ngân T, sinh ngày 23/8//2015. Các cháu B và T đang ở với chị T. Ly hôn chị T nhận nuôi 02 con chung, yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/02 cháu. Anh D xin nhận nuôi cháu B, còn cháu T giao cho chị T nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Thấy rằng: Hiện nay cháu B và cháu T đang ở với chị T và cháu B, T đều có nguyện vọng ở với chị T. Để ổn định chỗ ở hiện tại và phát triển bình thường về mọi mặt của các cháu. Cần tiếp tục giao cháu B và T cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục và anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay mức thu nhập từ tiền lương của anh D là 5.673.000đ nhưng chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/02 cháu là cao không có cơ sở chấp nhận. Do đó chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/2cháu (mỗi cháu 1.000.000đ/tháng); Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2022 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện về chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 14/9/2022.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Duy D.

Về con chung: giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trần Duy B, sinh ngày 15/05/2013; Trần Ngân T, sinh ngày 23/8//2015; anh Trần Duy D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/2cháu (mỗi cháu 1.000.000đ/tháng); Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2022 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không giải quyết.

- Về án phí: chị Dương Thị Thu T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0007608 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Anh D phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND xã H, h P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Công Tự